MSIG Insurance (Vietnam) Company Limited.
Ho Chi Minh Branch: 19th Floor, Vincom Center, 72 Le Thanh Ton Street,
Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel +84 4 28 3821 9030
msig.com.vn

QUY TẮC BẢO HIỂM XE Ô TÔ (TM AUTO)

PHẦN I. ĐỊNH NGHĨA

Trong quy tắc bảo hiểm này, các thuật ngữ được hiểu như sau:

1. **MSIG/Doanh nghiệp bảo hiểm**
   Là Công ty TNHH Bảo hiểm Phi nhân thọ MSIG Việt Nam.
2. **Bên mua bảo hiểm**
   Là tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng bảo hiểm với doanh nghiệp bảo hiểm và đóng phí bảo hiểm.
3. **Người được bảo hiểm**
   Là chủ xe có xe ô tô được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm (hoặc bảo hiểm vật chất) xe ô tô.
4. **Chủ xe**
   Là tổ chức, cá nhân sở hữu xe ô tô hoặc được chủ sở hữu xe ô tô giao chiếm hữu, sử dụng hợp pháp xe ô tô; hoặc cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu thực tế chưa làm thủ tục đăng ký theo quy định nhưng có Hợp đồng mua bán phù hợp với quy định của pháp luật.
5. **Xe ô tô**
   Bao gồm xe ô tô con, xe bán tải, xe tải, xe khách, xe buýt, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô đầu kéo và các loại xe ô tô khác theo quy định của pháp luật. Không bao gồm xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe đạp điện, xe máy điện và các loại xe tương tự.
6. **Thời gian sử dụng xe**
   Là khoảng thời gian tính từ tháng đăng ký lần đầu tại Việt Nam đến tháng giao kết hợp đồng bảo hiểm. Đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng ở nước ngoài, thì thời gian sử dụng tính từ tháng một của năm sản xuất đến tháng giao kết hợp đồng bảo hiểm.
7. **Phí bảo hiểm**
   Là khoản tiền mà bên mua bảo hiểm phải đóng cho doanh nghiệp bảo hiểm theo thời hạn và phương thức do các bên thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

PHẦN II. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm xe ô tô là sự thoả thuận giữa chủ xe và doanh nghiệp bảo hiểm, theo đó chủ xe phải đóng đủ phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải bồi thường cho chủ xe khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Hợp đồng bảo hiểm phải được lập thành văn bản, bao gồm: Quy tắc; Điều khoản; Giấy yêu cầu bảo hiểm (nếu có) có chữ ký của chủ xe hoặc người đại diện hợp pháp của chủ xe; Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm là bằng chứng của việc giao kết hợp đồng bảo hiểm. Các sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo hiểm và các thỏa thuận khác (nếu có).

Điều 2. Thời hạn bảo hiểm

1. Thời hạn bảo hiểm bắt đầu và kết thúc được ghi trên Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm.

2. Trường hợp chuyển quyền sở hữu xe được bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên có hiệu lực đối với chủ xe mới trừ trường hợp chủ xe cũ yêu cầu chấm dứt hợp đồng bảo hiểm.

Điều 3. Chấm dứt hợp đồng bảo hiểm

1. Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực bảo hiểm trong trường hợp chủ xe không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm đã thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm giao kết ban đầu và Doanh nghiệp bảo hiểm không có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí theo quy định của pháp luật.

Chủ xe phải có nghĩa vụ đóng đầy đủ phí bảo hiểm được quy định tại hợp đồng bảo hiểm. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực, doanh nghiệp bảo hiểm phải hoàn lại cho chủ xe phần phí bảo hiểm đã đóng thừa (nếu có) hoặc yêu cầu chủ xe đóng đủ phí bảo hiểm đến thời điểm chấm dứt hợp đồng bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm không phải hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm.

2. Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm

Trong thời hạn bảo hiểm, một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm theo quy định pháp luật bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên kia.

Trường hợp chủ xe chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm trước hạn phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp bảo hiểm. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của chủ xe, doanh nghiệp bảo hiểm phải hoàn lại cho chủ xe 70% phí bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm không phải hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp bảo hiểm thông báo bằng văn bản cho chủ xe, doanh nghiệp bảo hiểm phải hoàn lại phí bảo hiểm cho chủ xe tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm

1. Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền:

1.1. Thu phí bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm;

1.2. Yêu cầu bên mua bảo hiểm cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin liên quan đến việc giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm;

1.3. Từ chối bồi thường cho người được bảo hiểm trong trường hợp không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm hoặc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm;

1.4. Yêu cầu bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm, chủ xe áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của pháp luật;

1.5. Yêu cầu người thứ ba bồi hoàn số tiền bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm đã bồi thường cho người được bảo hiểm do người thứ ba gây ra đối với chiếc xe ô tô được bảo hiểm;

1.6. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm có nghĩa vụ:

2.1. Giải thích cho bên mua bảo hiểm, chủ xe về điều kiện, điều khoản bảo hiểm; quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm, chủ xe khi tham gia bảo hiểm;

2.2. Cấp cho bên mua bảo hiểm giấy chứng nhận bảo hiểm, đơn bảo hiểm hoặc hợp đồng bảo hiểm sau khi giao kết hợp đồng bảo hiểm;

2.3. Trả tiền bồi thường bảo hiểm trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ; không quá 30 ngày trong trường hợp Doanh nghiệp bảo hiểm phải tiến hành xác minh hồ sơ.
Trong trường hợp Doanh nghiệp bảo hiểm không đủ thẩm quyền để xác minh các yếu tố trong hồ sơ thì hồ sơ bồi thường được coi là đầy đủ và hợp lệ sau khi có kết luận chính thức của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Sau 90 ngày kể từ ngày doanh nghiệp bảo hiểm có văn bản đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xác minh mà chưa có kết quả xác minh thì Doanh nghiệp bảo hiểm phải chủ động tiến hành xác minh, xem xét giải quyết bồi thường trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thu thập được;
2.4. Trường hợp từ chối bồi thường, Doanh nghiệp bảo hiểm phải giải thích bằng văn bản lý do từ chối bồi thường trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Doanh nghiệp bảo hiểm nhận được đầy đủ hồ sơ bồi thường hợp lệ;
2.5. Phối hợp với bên mua bảo hiểm và cơ quan chức năng để giải quyết yêu cầu của người thứ ba đòi bồi thường về những thiệt hại thuộc trách nhiệm bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;
2.6. Đối với những vụ tổn thất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, khi có yêu cầu của chủ xe/người điều khiển xe, Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ phối hợp giải quyết ngay và khi đã xác định trách nhiệm thuộc phạm vi bảo hiểm có thể tạm ứng ngay một phần những chi phí cần thiết nhằm khắc phục hậu quả tổn thất.
2.7. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm hướng dẫn chủ xe, bên mua bảo hiểm thu thập tài liệu để lập hồ sơ bồi thường theo quy định tại Điều 7 quy tắc này.
2.8. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm đánh giá lại rủi ro và định phí bảo hiểm trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo thay đổi các yếu tố liên quan đến rủi ro của xe được bảo hiểm và có trách nhiệm hoàn phí hoặc thu thêm phí theo tỷ lệ tương ứng với thời hạn còn lại của hợp đồng bảo hiểm
2.9. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm, chủ xe

1. Bên mua bảo hiểm, chủ xe có quyền:
1.1. Yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm; cấp giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc đơn bảo hiểm;
1.2. Yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;
1.3. Chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm hoặc theo quy định của pháp luật;
1.4. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
2. Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ:
2.1. Đóng phí bảo hiểm đầy đủ, theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm;
2.2. Khi yêu cầu bảo hiểm phải kê khai đầy đủ, trung thực những nội dung trong Giấy yêu cầu bảo hiểm theo mẫu của Doanh nghiệp bảo hiểm;
2.3. Tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp bảo hiểm xem xét tình trạng xe trước khi cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm;
2.4. Trường hợp thay đổi mức độ rủi ro được bảo hiểm dẫn đến những yếu tố làm thay đổi cơ sở tính phí bảo hiểm, bên mua bảo hiểm, chủ xe phải thông báo cho doanh nghiệp bảo hiểm

trong vòng 15 ngày kể từ ngày có sự thay đổi đó (ví dụ: thay đổi mục đích sử dụng, kết cấu xe, phạm vi hoạt động...);

2.4.1. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến giảm các rủi ro được bảo hiểm thì bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm giảm phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm. Trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu giảm phí của bên mua bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải có công văn, văn bản trả lời chủ xe về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc giảm phí bảo hiểm.

Trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm không chấp nhận giảm phí bảo hiểm thì bên mua bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm nhưng phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp bảo hiểm.

2.4.2. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm có quyền tính lại phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp bên mua bảo hiểm không chấp nhận tăng phí bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm nhưng phải thông báo bằng văn bản cho bên mua bảo hiểm.

2.5. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.

2.6. Khi xảy ra tổn thất, bên mua bảo hiểm, chủ xe phải có trách nhiệm:

2.6.1. Thông báo ngay cho doanh nghiệp bảo hiểm để phối hợp giải quyết, tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tổn thất; đồng thời thông báo cho cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất (trừ trường hợp bất khả kháng);

2.6.2. Không được di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của doanh nghiệp bảo hiểm; trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2.6.3. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng), chủ xe phải thông báo tổn thất bằng văn bản cho doanh nghiệp bảo hiểm.

2.7. Bên mua bảo hiểm, chủ xe phải trung thực trong việc thu thập, cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp bảo hiểm trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó.

2.8. Trường hợp tổn thất xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba, chủ xe phải thực hiện đúng theo các hướng dẫn của doanh nghiệp bảo hiểm để bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho doanh nghiệp bảo hiểm kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, tài liệu cần thiết và hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp bảo hiểm để đòi lại người thứ ba trong phạm vi số tiền đã hoặc sẽ được doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường.

2.9. Đối với các thiệt hại dẫn đến phải thay thế và được doanh nghiệp chấp thuận bồi thường, bên mua bảo hiểm, chủ xe sau khi thực hiện xong công việc thay thế phải có trách nhiệm bàn giao tài sản đã được thay thế cho doanh nghiệp bảo hiểm.

2.10. Khi xe ô tô bị mất trộm, mất cướp toàn bộ, bên mua bảo hiểm, chủ xe phải thông báo ngay cho cơ quan công an và doanh nghiệp bảo hiểm được biết để xử lý và thực hiện các công việc theo hướng của cơ quan công an và doanh nghiệp bảo hiểm.

2.11. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Giám định tổn thất

1. Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, Doanh nghiệp bảo hiểm hoặc người được Doanh nghiệp bảo hiểm ủy quyền sẽ tiến hành giám định các tổn thất về tài sản với sự có mặt của chủ xe/người điều khiển xe, các bên có liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của các bên có liên quan nhằm xác

định nguyên nhân và mức độ tổn thất. Kết quả giám định phải lập thành văn bản có chữ ký của các bên liên quan. Doanh nghiệp bảo hiểm chịu trách nhiệm về chi phí giám định tổn thất.

2. Trường hợp các bên không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại, có thể thỏa thuận chọn cơ quan giám định độc lập thực hiện việc giám định trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được việc trưng cầu giám định độc lập thì một trong các bên được quyền yêu cầu Toà án nơi xảy ra tổn thất hoặc nơi cư trú của người được bảo hiểm chỉ định giám định độc lập. Kết luận bằng văn bản của giám định độc lập có giá trị bắt buộc đối với các bên.

3. Trường hợp kết luận của giám định độc lập khác với kết luận giám định của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải trả chi phí giám định độc lập. Trường hợp kết luận của giám định độc lập trùng với kết luận giám định của doanh nghiệp bảo hiểm, chủ xe/ người điều khiển xe phải trả chi phí giám định độc lập.

4. Trong trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp bảo hiểm không thể thực hiện được việc giám định thì doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm hướng dẫn chủ xe/người điều khiển xe thu thập đầy đủ thông tin chi tiết về nguyên nhân, diễn biến, mức độ thiệt hại cùng các chứng từ, ảnh chụp thiệt hại và tài liệu liên quan để làm căn cứ xác định bồi thường.

Điều 7. Hồ sơ bồi thường

Đối với từng vụ việc cụ thể thì Hồ sơ bồi thường bao gồm một hoặc nhiều loại tài liệu sau:

1. Tài liệu do bên mua bảo hiểm, chủ xe cung cấp:

1.1. Thông báo tổn thất và yêu cầu bồi thường của chủ xe (theo mẫu của doanh nghiệp bảo hiểm);

1.2. Tài liệu liên quan đến xe, người điều khiển xe (bản sao có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản photocopy có xác nhận của nhân viên doanh nghiệp bảo hiểm sau khi đã đối chiếu với bản chính) như sau:

a) Giấy chứng nhận bảo hiểm và/hoặc Hợp đồng bảo hiểm và các thỏa thuận khác bằng văn bản (nếu có);

b) Giấy đăng ký xe, Giấy phép lái xe hợp lệ của người điều khiển xe bị tổn thất;

c) Các giấy tờ liên quan đến mua bán, chuyển nhượng, cho, tặng, uỷ quyền sử dụng xe (nếu có);

d) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ (trừ trường hợp xe lưu hành tạm thời có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc hoạt động trong thời gian thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm định lần đầu tiên tại Việt Nam).

1.3. Tài liệu chứng minh thiệt hại về tài sản, bao gồm:

a) Hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại.

b) Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà chủ xe đã chi ra để giảm thiểu tổn thất hay để thực hiện theo chỉ dẫn của doanh nghiệp bảo hiểm.

1.4. Biên bản thỏa thuận/hòa giải (trong trường hợp hòa giải);

1.5. Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực của Tòa án (nếu có);

1.6. Các tài liệu cần thiết để chuyển quyền cho doanh nghiệp bảo hiểm đòi bồi thường từ bên gây thiệt hại cho xe được bảo hiểm mà chủ xe đã được doanh nghiệp bảo hiểm giải quyết bồi thường thiệt hại này (trong trường hợp đòi người thứ ba).

2. Tài liệu do Doanh nghiệp bảo hiểm phối hợp với chủ xe để thu thập:

2.1. Bản sao có xác nhận của cơ quan công an trong trường hợp tai nạn có sự tham gia giải quyết của cơ quan công an, bao gồm:

a) Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn (nếu có);

b) Sơ đồ hiện trường tai nạn, bản ảnh (nếu có);

c) Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn (nếu có);

d) Thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn (nếu có);

đ) Biên bản giải quyết tai nạn (nếu có); Bản kết luận điều tra tai nạn (nếu có);

2.2. Các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba (nếu có);

2.3. Biên bản giám định thiệt hại được các bên thống nhất.

3. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

4.Các tài liệu bổ sung thêm do bên mua bảo hiểm, chủ xe cung cấp trong trường hợp xe bị mất trộm, mất cướp toàn bộ:

- Đơn trình báo mất trộm, mất cướp với cơ quan công an có xác nhận của cơ quan công an;

- Quyết định khởi tố và điều tra hình sự (nếu có) liên quan đến mất trộm, mất cướp ô tô được bảo hiểm;

- Quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ khởi tố vụ án hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp ô tô được bảo hiểm (nếu có);

- Khai báo bị mất giấy tờ, tài liệu liên quan đến xe bị mất cắp, mất cướp khi để trên xe có xác nhận của cơ quan công an (nếu có).

Điều 8. Bảo hiểm trùng (không áp dụng đối với Phần Bảo hiểm tai nạn lái xe và người trên xe)

Bảo hiểm trùng là trường hợp bên mua bảo hiểm giao kết hợp đồng bảo hiểm với hai doanh nghiệp bảo hiểm trở lên cho cùng một đối tượng bảo hiểm với cùng điều kiện và sự kiện bảo hiểm. Tổng số tiền bồi thường của các Giấy chứng nhận bảo hiểm/ hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp này không vượt quá tổng số tiền thiệt hại thực tế của xe ô tô. Việc giải quyết bồi thường thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Đối với những điều kiện bảo hiểm trùng của các hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm: doanh nghiệp bảo hiểm chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm đã thỏa thuận trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các hợp đồng mà chủ xe/người điều khiển xe đã giao kết.

2. Đối với những điều kiện bảo hiểm không trùng nhau của các Giấy chứng nhận bảo hiểm/hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm chịu trách nhiệm bồi thường theo từng hợp đồng bảo hiểm đã ký kết.

Điều 9. Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện

1. Thời hạn yêu cầu bồi thường là 1 năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường.

2. Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của doanh nghiệp bảo hiểm là 90 ngày kể từ ngày chủ xe nhận được thông báo bồi thường của doanh nghiệp bảo hiểm. Quá thời hạn nêu trên, doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không giải quyết khiếu nại.

3. Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng bảo hiểm là 3 năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp.

4. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm, nếu doanh nghiệp bảo hiểm và chủ xe không giải quyết được bằng thương lượng sẽ được đưa ra Tòa án tại Việt Nam giải quyết.

PHẦN III. QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ BẢO HIỂM VẬT CHẤT XE Ô TÔ

Điều 10. Phạm vi bảo hiểm

1. Doanh nghiệp bảo hiểm chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ xe những thiệt hại vật chất do thiên tai, tai nạn bất ngờ, không lường trước được trong những trường hợp sau:

1.1. Đâm, va (bao gồm cả va chạm với vật thể khác), lật, đổ, chìm, rơi toàn bộ xe, bị các vật thể khác rơi vào;

1.2. Hỏa hoạn, cháy, nổ;

1.3. Những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên gây ra;

1.4. Mất toàn bộ xe do trộm, cướp;

1.5. Hành động ác ý, cố tình phá hoại đối với xe ô tô được bảo hiểm nhưng loại trừ các đối tượng nêu trong mục 1 Điều 11 của quy tắc bảo hiểm này.

2. Ngoài ra, doanh nghiệp bảo hiểm còn bồi thường cho chủ xe những chi phí cần thiết và hợp lý theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm để thực hiện các công việc theo yêu cầu và chỉ dẫn của doanh nghiệp bảo hiểm khi xảy ra tổn thất (thuộc phạm vi bảo hiểm), bao gồm các chi phí:

2.1. Chi phí ngăn ngừa hạn chế tổn thất phát sinh thêm;

2.2. Chi phí cứu hộ và vận chuyển xe bị thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất tối đa không vượt quá 10% số tiền bảo hiểm.

Điều 11: Loại trừ bảo hiểm

Doanh nghiệp bảo hiểm không chịu trách nhiệm bồi thường bảo hiểm trong các trường hợp sau:

1. Hành động cố ý gây thiệt hại của chủ xe, người điều khiển xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác và sử dụng xe.

2. Tại thời điểm xe tham gia giao thông xảy ra tổn thất, thiệt hại, xe không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Người điều khiển xe không có Giấy phép lái xe hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe ô tô bắt buộc phải có Giấy phép lái xe. Trường hợp người điều khiển xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc không thời hạn thì được coi là không có Giấy phép lái xe.

4. Người điều khiển xe trong tình trạng có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở, sử dụng ma túy và chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật.

5. Xe đi vào đường cấm, khu vực cấm, đường ngược chiều, rẽ, quay đầu tại nơi bị cấm, vượt đèn đỏ hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, xe đi đêm không có thiết bị chiếu sáng theo quy định.

6. Đua xe (hợp pháp hoặc trái phép); xe được bảo hiểm dùng để kéo xe khác không tuân thủ quy định của pháp luật.

7. Xe chở hàng trái phép theo quy định của pháp luật.

8. Tổn thất xảy ra ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

9. Tổn thất xảy ra trong những trường hợp: Chiến tranh, khủng bố.

10. Tổn thất do hao mòn tự nhiên hoặc do bản chất vốn có của tài sản, giảm giá trị thương mại, hỏng hóc do khuyết tật hoặc hỏng hóc thêm do sửa chữa, trong quá trình sửa chữa (bao gồm cả chạy thử);

11. Tổn thất của động cơ khi xe hoạt động trong khu vực bị ngập nước.

12. Tổn thất đối với săm lốp, bạt thùng xe, nhãn mác trừ trường hợp tổn thất xảy ra do cùng một nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe trong cùng một vụ tai nạn;

13. Mất bộ phận của xe do bị trộm hoặc bị cướp (trừ khi có thỏa thuận khác).

14. Mất toàn bộ xe trong trường hợp lừa đảo hoặc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe (xe cho thuê hoặc xe cho mượn hoặc siết nợ hoặc tranh chấp).

15. Thiệt hại xảy ra đối với máy móc, dụng cụ điện hay các bộ phận của thiết bị điện do chạy quá tải, quá áp lực, đoản mạch, tự đốt nóng, hồ quang điện hay rò điện do bất kỳ nguyên nhân nào.

16. Xe chở quá tải trọng hoặc quá số lượng người từ 50% trở lên (không bao gồm trẻ em dưới 07 tuổi) theo quy định trên giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (đối với xe chở hàng căn cứ vào tải trọng, xe chở người căn cứ vào số người chở trên xe, đối xe vừa chở người vừa chở hàng căn cứ vào tải trọng hoặc số người chở trên xe).

17. Tổn thất các thiết bị lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp (không bao gồm các thiết bị mang tính chất bảo vệ cho xe: hệ thống báo động, cản trước, cản sau) và tổn thất về xe ô tô do các thiết bị lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp gây ra trừ các thiết bị lắp thêm theo quy định.

18. Loại trừ bảo hiểm cho xe tập lái.

19. Các loại trừ bảo hiểm khác: Chi tiết được quy định tại Phụ lục 01 của Quy tắc bảo hiểm này.

Điều 12. Số tiền bảo hiểm và giá trị bảo hiểm (giá thị trường)

1. Số tiền bảo hiểm là số tiền mà chủ xe yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm bảo hiểm cho xe của mình và được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm.

2. Chủ xe có thể thỏa thuận tham gia bảo hiểm bằng hoặc thấp hơn giá trị thị trường của xe.

3. Doanh nghiệp bảo hiểm xác định giá trị của xe có yêu cầu bảo hiểm như sau:

3.1. Đối với xe mới (100%), giá trị của xe là giá bán xe do các hãng sản xuất trong nước công bố tại thị trường Việt Nam, hoặc giá xe nhập khẩu đã bao gồm tất cả các loại thuế theo quy định của Nhà nước.

3.2. Đối với xe ô tô đã qua sử dụng, giá trị của xe là giá xe mua bán trên thị trường của xe cùng chủng loại (cùng hãng sản xuất, mẫu xe, dung tích xi lanh, năm sản xuất).

Điều 13. Giải quyết quyền lợi bảo hiểm

1. Bồi thường tổn thất bộ phận:

1.1. Doanh nghiệp bảo hiểm chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế hợp lý để sửa chữa, thay thế (trường hợp không thể sửa chữa được) bộ phận hoặc trả bằng tiền cho chủ xe để bù đắp tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm trên cơ sở xác định được chi phí hợp lý để sửa chữa, khắc phục tổn thất có thể phải trả sau khi áp dụng mức khấu trừ (nếu có).

1.2. Cách xác định số tiền bồi thường:

a. Số tiền bồi thường là chi phí hợp lý để phục hồi, sửa chữa xe bị tổn thất. Cách xác định chi phí hợp lý cho bộ phận hư hỏng phải thay thế mới được tính bằng chi phí thay thế thực tế trừ

đi số tiền khấu hao (trừ trường hợp có thỏa thuận bảo hiểm bổ sung bồi thường không áp dụng khấu hao thay mới), cụ thể như sau:

- Xe sử dụng đến 3 năm: khấu hao 0%
- Xe sử dụng trên 3 đến 6 năm: khấu hao 15% giá trị bộ phận thay mới.
- Xe sử dụng trên 6 năm đến 10 năm: khấu hao 25% giá trị bộ phận thay mới.
- Xe sử dụng trên 10 năm đến 15 năm: khấu hao 35% giá trị bộ phận thay mới.
- Xe sử dụng trên 15 năm: khấu hao 50% giá trị bộ phận thay mới.

b. Trường hợp xe được bảo hiểm dưới giá trị, số tiền bồi thường sẽ được tính theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị thị trường của xe tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm;

1.3. Doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường chi phí sơn lại toàn bộ xe nếu trên 50% diện tích sơn của xe bị hư hỏng do tổn thất và theo nguyên tắc tính bồi thường quy định tại mục 1.2a, 1.2b Điều 13 Quy tắc này.

2. Bồi thường tổn thất toàn bộ

2.1. Doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường tổn thất toàn bộ trong trường hợp xe bị thiệt hại trên 75% giá trị thực tế; hoặc chi phí sửa chữa thiệt hại bằng hoặc trên 75% giá trị thị trường của xe được bảo hiểm tại thời điểm tổn thất.

2.2. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm bồi thường tổn thất toàn bộ xe bị mất trộm, mất cướp khi có kết luận của cơ quan công an đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ khởi tố hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp của chính chiếc xe đó.

2.3. Số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ bằng giá trị thị trường của xe được bảo hiểm tại thời điểm tổn thất, cùng chủng loại và thông số kỹ thuật và không vượt quá số tiền ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc Hợp đồng bảo hiểm.

3. Thu hồi tài sản sau bồi thường

Khi doanh nghiệp bảo hiểm đã bồi thường tổn thất bộ phận hoặc toàn bộ xe thì bộ phận hư hỏng hoặc toàn bộ xe đó thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, cụ thể:

3.1. Đối với trường hợp bồi thường thay mới bộ phận, doanh nghiệp bảo hiểm sẽ thu hồi bộ phận hư hỏng đã được trả tiền bồi thường thay mới (kể cả trường hợp trừ khấu hao).

3.2. Đối với trường hợp bồi thường tổn thất toàn bộ, sau khi doanh nghiệp bảo hiểm đã bồi thường toàn bộ xe thì toàn bộ giá trị thu hồi chiếc xe bị tổn thất thuộc sở hữu của doanh nghiệp bảo hiểm. Trường hợp tham gia bảo hiểm dưới giá trị thì doanh nghiệp bảo hiểm thu hồi phần giá trị tương đương theo tỷ lệ tham gia bảo hiểm. Trường hợp chủ xe có yêu cầu nhận lại chiếc xe bị tổn thất toàn bộ, doanh nghiệp bảo hiểm sẽ giảm số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ tương đương giá trị thu hồi chiếc xe bị tổn thất theo định giá của doanh nghiệp bảo hiểm.

3.3. Đối với trường hợp bồi thường xe bị mất trộm, mất cướp sau đó tìm được xe bị mất trộm, mất cướp thì doanh nghiệp bảo hiểm được quyền sở hữu toàn bộ chiếc xe đó.

Điều 14. Mức khấu trừ

1. Mức khấu trừ là số tiền được ấn định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm và Hợp đồng bảo hiểm mà người được bảo hiểm phải tự gánh chịu trong mỗi và mọi vụ tổn thất bộ phận của xe tham gia bảo hiểm vật chất xe tại doanh nghiệp bảo hiểm.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm áp dụng mức khấu trừ tối thiểu năm trăm ngàn đồng (500.000 VNĐ)/vụ đối với thiệt hại vật chất xe được bảo hiểm theo Quy tắc này.

Mức khấu trừ chi tiết được quy định tại Mục 1, Phụ lục 2 của Quy tắc này.

Điều 15. Giảm trừ bồi thường

1. Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền thực hiện giảm mức bồi thường theo tỷ lệ trong một số trường hợp sau đây:

1.1. Giảm 10% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:

a. Chủ xe không gửi Thông báo tổn thất (bằng văn bản) cho doanh nghiệp bảo hiểm trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đã được doanh nghiệp bảo hiểm giám định thiệt hại trong thời gian này);

b. Chủ xe không thực hiện đầy đủ các biện pháp cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tổn thất trừ trường hợp di chuyển để đảm bảo an toàn, hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

1.2. Giảm 25% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:

a. Chủ xe tự ý tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của doanh nghiệp bảo hiểm (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền);

b. Chủ xe vượt quá tốc độ cho phép và có kết luận bằng văn bản của cơ quan chức năng xác định vượt quá từ 20% trở lên;

1.3. Giảm trừ số tiền bồi thường tùy theo mức độ lỗi của chủ xe trong các trường hợp sau:

a. Giảm trừ tối đa đến 100% trong trường hợp

+ chủ xe không bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi người thứ ba cho doanh nghiệp bảo hiểm kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ tài liệu cần thiết;

+ chủ xe không trung thực trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường;

+ chủ xe không hợp tác với doanh nghiệp bảo hiểm để đòi lại người thứ ba hoặc tự động thỏa thuận bồi thường với người thứ ba gây thiệt hại cho doanh nghiệp bảo hiểm;

b. Giảm trừ tối đa đến 90% trong trường hợp chủ xe không tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp bảo hiểm trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ bồi thường;

1.4. Giảm số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ % chở quá trọng tải, số người (từ trên 20% đến 50%) theo quy định trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

1.5. Giảm số tiền bồi thường theo tỷ lệ giữa số phí thực nộp và số phí phải nộp theo quy định trong trường hợp:

a. Chủ xe kê khai giấy yêu cầu bảo hiểm sai (không đúng mục đích sử dụng của xe) làm thu thiếu phí bảo hiểm so với quy định;

b. Chủ xe không thông báo cho doanh nghiệp bảo hiểm trong trường hợp có sự gia tăng mức độ rủi ro bảo hiểm để bổ sung phí bảo hiểm (như chuyển đổi mục đích sử dụng, hoán cải, nâng cấp làm tăng giá xe).

2. Nguyên tắc giảm trừ số tiền bồi thường

Khi chủ xe bị giảm trừ số tiền bồi thường theo nhiều tỷ lệ khác nhau cho các hành vi vi phạm khác nhau, doanh nghiệp bảo hiểm sẽ lựa chọn áp dụng duy nhất một loại giảm trừ số tiền bồi thường theo tỷ lệ cao nhất.

Điều 16: Điều khoản bổ sung

Nội dung điều khoản bổ sung được quy định tại Phụ lục 2 của Quy tắc bảo hiểm này.

PHẦN IV - BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ BẮT BUỘC ĐỐI VỚI CHỦ XE CƠ GIỚI

Điều 17

Các quy tắc và điều kiện của Phần này sẽ tuân thủ theo luật pháp hiện hành.

Điều 18: Hồ sơ bồi thường

Chủ xe, Người yêu cầu bồi thường phối hợp với Công ty Bảo hiểm thu thập các chứng từ, tài liệu sau:

1. Giấy chứng nhận Bảo hiểm xe ôtô (Bản gốc để đối chiếu)
2. Giấy Phép Lái xe (Bản gốc để đối chiếu)
3. Giấy Đăng Ký xe (Bản gốc để đối chiếu)
4. Giấy Chứng nhận kiểm định an toàn Kỹ thuật và Môi trường (Bản gốc để đối chiếu)
5. Thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường (Bản gốc)
6. Hồ sơ Cảnh sát Giao thông:

- Biên bản khám nghiệm hiện trường
- Sơ đồ hiện trường
- Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông
- Biên bản Giải quyết tai nạn giao thông
- Biên bản hòa giải dân sự

7. Xác nhận của Cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương (đối với trường hợp mất cắp bộ phận hoặc tai nạn không có hồ sơ Cảnh sát Giao thông).
8. Tài liệu chứng minh thiệt hại về người:

- Hồ sơ bệnh án (bản gốc để đối chiếu);
- Chứng từ y tế (bản gốc để đối chiếu): giấy chứng thương, giấy chứng nhận phẫu thuật,
- Giấy nộp tiền, hóa đơn (bản gốc để công ty bảo hiểm lưu)
- Giấy chứng tử (trong trường hợp nạn nhân tử vong)

9. Tài liệu chứng minh thiệt hại về tài sản của bên thứ ba:

- Chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại do tai nạn giao thông gây ra do chủ xe thực hiện tại các cơ sở do doanh nghiệp bảo hiểm chỉ định hoặc được sự đồng ý của doanh nghiệp bảo hiểm.
- Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà chủ xe đã chi ra để giảm thiểu tổn thất hay để thực hiện theo chỉ dẫn của doanh nghiệp bảo hiểm

PHẦN V - BẢO HIỂM TAI NẠN LÁI XE, PHỤ XE VÀ NGƯỜI NGỒI TRÊN XE

Điều 19: Đối tượng – Người được bảo hiểm

Thương tật thân thể và/hoặc chết của lái xe, người sử dụng xe khi lên xe, xuống xe hay ngồi trong xe gây ra bởi tai nạn.

Điều 20: Chi trả bồi thường

1. Trường hợp đối tượng bảo hiểm bị chết, toàn bộ số tiền bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/ Đơn bảo hiểm sẽ được thanh toán.
2. Trường hợp đối tượng được bảo hiểm bị thương tật thân thể:

2.1. Thương tật tạm thời: Được thanh toán theo chi phí y tế thực tế, hợp lý tới số tiền bảo hiểm trong thời gian điều trị thương tật, nhưng không vượt quá 12 tháng.

2.2. Thương tật vĩnh viễn: Được bồi thường theo tỷ lệ của số tiền bảo hiểm quy định tại Bảng quy định trả tiền bồi thường thiệt hại về người như quy định ban hành kèm theo Thông tư số 05/TC-BH cấp ngày 2 tháng 1 năm 1993 của Bộ Tài chính.
3. Nếu tại thời điểm xảy ra tai nạn, số người thực tế (không bao gồm trẻ em dưới 7 tuổi) lớn hơn số Người được bảo hiểm ghi trên giấy chứng nhận bảo hiểm, thì mức trả tiền bảo hiểm sẽ giảm theo tỷ lệ giữa số Người được bảo hiểm với số người thực tế trên xe.
4. Đối với trẻ em dưới 2 tuổi, công ty sẽ thanh toán 50% số tiền bảo hiểm dựa trên quy tắc chi trả nêu trong mục 1. và 2. nêu trên.

PHẦN VI - BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ TỰ NGUYỆN ĐỐI VỚI CHỦ XE CƠ GIỚI

Điều 21: Phạm vi bảo hiểm

1. Giới hạn trách nhiệm
Công ty sẽ bồi thường cho chủ xe cơ giới theo mức trách nhiệm cam kết (là phần vượt quá mức trách nhiệm dân sự bắt buộc theo quy định của pháp luật) trong trường hợp tai nạn gây ra hoặc phát sinh từ việc sử dụng xe cơ giới, toàn bộ các chi phí hoặc phí tổn mà chủ xe phải có trách nhiệm pháp lý phải trả đối với:
a) Chết hoặc thương tật về người
b) Thiệt hại tài sản của người thứ 3
Với điều kiện là khoản tiền bồi thường của Công ty (bao gồm tất cả các chi phí) không vượt quá mức trách nhiệm như được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bản tóm tắt hợp đồng bảo hiểm.
2. Các điều kiện và quy định khác
Các bên hiểu và thỏa thuận rằng trừ ngoại trừ Mức trách nhiệm tự nguyện do Người được bảo hiểm lựa chọn được ghi trên bản tóm tắt hợp đồng và giấy chứng nhận bảo hiểm, còn lại tất cả các điều kiện điều khoản khác của Phần này sẽ tuân thủ theo luật pháp hiện hành có liên quan.

Điều 22: Hồ sơ bồi thường (như Điều 18 của Quy tắc này).

Thay mặt Công ty TNHH Bảo hiểm phi nhân thọ MSIG Việt Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ MSIG VIỆT NAM

Ký ngày: 09-09-2022 08:34:08

GIÁM ĐỐC
BAN ĐẠI LÝ XE CƠ GIỚI
TRẦN PHƯƠNG MAI

MSIG Insurance (Vietnam) Company Limited.
Ho Chi Minh Branch: 19th Floor, Vincom Center, 72 Le Thanh Ton Street,
Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel +84 4 28 3821 9030
msig.com.vn

PHỤ LỤC 1: LOẠI TRỪ BẢO HIỂM CHUNG

1. Hành động cố ý gây thiệt hại của chủ xe, người điều khiển xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác và sử dụng xe.

2. Tại thời điểm xe tham gia giao thông xảy ra tổn thất, thiệt hại, xe không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ hợp lệ (trừ trường hợp bảo hiểm vật chất xe lưu hành tạm thời).

3. Người điều khiển xe không có Giấy phép lái xe hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe ô tô bắt buộc phải có Giấy phép lái xe. Trường hợp người điều khiển xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc không thời hạn thì được coi là không có Giấy phép lái xe.

4. Người điều khiển xe trong tình trạng có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở, sử dụng ma túy và chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật.

5. Xe chở chất cháy, chất nổ trái phép (không có bất kỳ giấy phép chuyên chở nào hoặc không tuân thủ theo các điều kiện của giấy phép chuyên chở); Xe chở hàng trái phép theo quy định của pháp luật.

6. Xe đi vào đường cấm, khu vực cấm, đường ngược chiều, rẽ, quay đầu tại nơi bị cấm, vượt đèn đỏ hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, xe đi đêm không có thiết bị chiếu sáng theo quy định.

7. Đua xe (hợp pháp hoặc trái phép); xe được bảo hiểm dùng để kéo xe khác không tuân thủ quy định của pháp luật.

8. Thiệt hại có tính chất hậu quả gián tiếp như: khấu hao, ngừng kinh doanh, giảm giá trị thương mại.

9. Xe chở quá tải trọng hoặc quá số lượng người từ 50% trở lên (không bao gồm trẻ em dưới 07 tuổi) theo quy định trên giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (đối với xe chở hàng căn cứ vào tải trọng, xe chở người căn cứ vào số người chở trên xe, đối xe vừa chở người vừa chở hàng căn cứ vào tải trọng hoặc số người chở trên xe).

10. Tổn thất xảy ra ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

11. Xe chở quá tải trọng hoặc quá số lượng người từ 50% trở lên (không bao gồm trẻ em dưới 07 tuổi) theo quy định trên giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (đối với xe chở hàng căn cứ vào tải trọng, xe chở người căn cứ vào số người chở trên xe, đối xe vừa chở người vừa chở hàng căn cứ vào tải trọng hoặc số người chở trên xe).

12. Loại trừ bảo hiểm cho xe tập lái.

13. Loại trừ nhiễm phóng xạ, vũ khí hoá học, sinh học, sinh hóa học và điện từ - 10/11/2003

Quy tắc bảo hiểm này sẽ không bảo hiểm cho Tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm hoặc chi phí gây ra bởi hoặc góp phần gây ra bởi hoặc phát sinh từ:

- Sự bức xạ ion hóa từ hoặc nhiễm phóng xạ từ bất kỳ nhiên liệu hạt nhân nào hoặc từ bất kỳ rác thải hạt nhân nào hoặc từ sự cháy nguyên liệu hạt nhân.
- Các chất có tính phóng xạ, độc hại, gây nổ hoặc các chất nguy hiểm hoặc gây ô nhiễm khác của bất kỳ căn cứ hạt nhân, lò phản ứng hạt nhân hoặc việc lắp ráp hạt nhân hoặc các thành phần hạt nhân trong đó.
- Bất kỳ vũ khí chiến tranh nào sử dụng phân hạch hạt nhân hoặc nguyên tử và/ hoặc nung chảy hạt nhân hoặc các phản ứng hoặc năng lượng hoặc yếu tố phóng xạ tương tự khác.
- Các tài sản có tính phóng xạ, độc hại, gây nổ hoặc các tài sản nguy hiểm hoặc gây ô nhiễm khác của bất kỳ vật chất phóng xạ. Sự loại trừ trong điều khoản phụ này không áp dụng đối với các chất đồng vị phóng xạ, ngoài nguyên liệu hạt nhân, khi mà những chất đồng vị này được chuẩn bị, vận chuyển, lưu kho, hoặc sử dụng cho các mục đích thương mại, nông nghiệp, y tế, khoa học hoặc các mục đích mang tính hòa bình tương tự.
- Bất kỳ vũ khí hóa học, sinh học, sinh hóa học, hoặc điện từ nào.

14. Loại trừ chiến tranh và khủng bố

Chết, thương tật, tổn thất, thiệt hại, tình trạng phá hoại, bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào, chi phí hoặc khoản chi bao gồm tổn thất ở bất kỳ dạng nào, gây ra bởi, là kết quả từ hoặc có liên quan đến bất kỳ nguyên nhân nào dưới đây bất kể nguyên nhân hoặc sự kiện khác cùng tác động đến hoặc trong bất kỳ hậu quả nào khác của tổn thất đó:

(a) Chiến tranh, xâm lược, động thái của kẻ thù ngoại quốc, thái độ thù địch hoặc các hoạt động gây chiến (cho dù có tuyên bố chiến tranh hay không), nội chiến, nổi loạn, cách mạng, khởi nghĩa, bạo động dân sự cho là liên quan đến hoặc đóng góp vào một lực lượng cướp chính quyền, binh biến hoặc nổi dậy, hoặc

(b) Bất kỳ hành động khủng bố nào bao gồm:

- Việc sử dụng hoặc đe doạ bằng vũ lực, bạo lực và/ hoặc
- Có hại hoặc thiệt hại đến cuộc sống hoặc đến tài sản (hoặc đe dọa làm hại hoặc gây thiệt hại) bao gồm, nhưng không giới hạn bởi nhiễm xạ và/ hoặc ô nhiễm bởi hóa chất và/ hoặc các yếu tố sinh học, bởi bất kỳ người (những người) hoặc nhóm (các nhóm) người, hành động vì mục đích chính trị, tôn giáo, tư tưởng hoặc các

mục đích, cách thức hoặc các yếu tố khác tương tự, và/ hoặc đe doạ cộng đồng hoặc bất kỳ khu vực cộng đồng nào, hoặc

(c) Bất kỳ hành động nào được thực hiện dưới sự kiểm soát, ngăn chặn, cấm đoán hoặc dưới bất kỳ hành động nào liên quan đến các yếu tố được chỉ ra ở mục 1 hoặc mục 2 ở trên.

Nếu Doanh nghiệp bảo hiểm khẳng định rằng vì loại trừ này mà bất kỳ tổn thất, thiệt hại, chi phí hay khoản chi nào không được thanh toán bồi thường theo Quy tắc bảo hiểm này thì trách nhiệm phản biện sẽ thuộc về Người được bảo hiểm.

15. Loại trừ và hạn chế do lệnh trừng phạt

Quy tắc bảo hiểm này sẽ không bảo hiểm cho và chịu trách nhiệm thanh toán đối với bất kỳ khiếu nại bồi thường nào hoặc cung cấp bất kỳ quyền lợi nào trong đây cũng như việc thanh toán đối với khiếu nại đó hoặc quy định về quyền lợi đó do bất kỳ sự trừng phạt, lệnh cấm hoặc sự hạn chế nào theo các quyết định của Liên hợp quốc hoặc các sự trừng phạt, luật hoặc quy định về thương mại hoặc kinh tế của Liên minh Châu Âu hoặc Vương quốc Anh hoặc Hoa Kỳ.

16. Loại trừ các chất amiăng

Quy tắc bảo hiểm này loại trừ tất cả các khiếu nại và tổn thất có căn nguyên từ, phát sinh từ, có kết quả từ hoặc là hậu quả, hoặc bất kỳ cách nào liên quan đến:

(a) Chất amiăng,

(b) hoặc Bất kỳ các chất amiăng thực sự hoặc được cho là chất amiăng có liên quan đến các thương tật hoặc thiệt hại liên quan đến việc sử dụng, sự hiện diện, sự tồn tại, sự phát hiện, sự di chuyển, sự bài tiết, hoặc sự tránh xa chất amiăng hoặc rủi ro phơi bày hoặc rủi ro tiềm năng về chất amiăng.

17. Loại trừ các rủi ro về chính trị

Quy tắc bảo hiểm này không bảo hiểm cho Tổn thất hoặc thiệt hại xảy ra trực tiếp hay gián tiếp bởi hoặc thông qua hoặc là hậu quả của bất kỳ các sự kiện nào dưới đây:

(a) Sự tước quyền sở hữu tạm thời hoặc vĩnh viễn là kết quả của việc tịch thu, quốc hữu hóa, trưng dụng hoặc trưng thu bởi bất kỳ nhà chức trách hợp pháp nào.

(b) Sự tước quyền sở hữu tạm thời hoặc vĩnh viễn bất kỳ tòa nhà nào là kết quả từ sự chiếm hữu bất hợp pháp nào về tòa nhà đó bởi bất kỳ một người nào với điều kiện là Công ty bảo hiểm không mất đi bất kỳ trách nhiệm đối với Người được bảo hiểm liên quan đến thiệt hại vật chất của tài sản được bảo hiểm phát sinh trước bị tước quyền sở hữu hoặc trong thời gian bị tước quyền sở hữu tạm thời mà là phần mà nếu có thì sẽ được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm này.

(c) Tình trạng bị phá hủy của tài sản theo lệnh của bất kỳ nhà chức trách nào.

Trong bất kỳ một vụ kiện cáo hay tranh tụng nào mà doanh nghiệp bảo hiểm biện luận rằng căn cứ vào các lý do trên đây bất kỳ Tổn thất, tình trạng bị phá hủy hoặc thiệt hại nào

không được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm này thì trách nhiệm phải chứng minh rằng Tổn thất, tình trạng bị phá hủy hoặc thiệt hại đó được bảo hiểm sẽ thuộc về Người được bảo hiểm.

18. Loại trừ tài sản và dữ liệu mạng

1. Mặc dù có bất kỳ điều khoản nào trái ngược trong đơn bảo hiểm này hoặc bất kỳ sửa đổi bổ sung nào, Đơn bảo hiểm này đều loại trừ bất kỳ:

1.1. Tổn thất mạng

1.2. mất mát, hư hỏng, trách nhiệm, khiếu nại, chi phí, phí tổn thuộc bất kỳ bản chất nào trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra bởi, do, do, phát sinh từ hoặc liên quan đến bất kỳ sự mất mát sử dụng, giảm chức năng, sửa chữa, thay thế, phục hồi hoặc tái sản xuất của bất kỳ Dữ liệu nào, bao gồm bất kỳ số tiền nào liên quan đến giá trị của Dữ liệu đó;

bất kể nguyên nhân hoặc sự kiện nào khác đóng góp đồng thời hoặc theo bất kỳ trình tự nào khác.

2. Trong trường hợp bất kỳ phần nào của điều khoản này được phát hiện là không hợp lệ hoặc không thể thực thi, phần còn lại sẽ vẫn có hiệu lực đầy đủ.

3. Điều khoản này thay thế và, nếu mâu thuẫn với bất kỳ nội dung nào khác trong đơn bảo hiểm hoặc bất kỳ sự sửa đổi bổ sung nào có liên quan đến tổn thất dữ liệu hoặc mạng công nghệ, sẽ thay thế nội dung đó.

Định nghĩa

4. Tổn thất Mạng có nghĩa là bất kỳ tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm pháp lý, khiếu nại, chi phí hoặc phí tổn nào thuộc bất kỳ bản chất nào trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra bởi, do, phát sinh từ hoặc liên quan đến bất kỳ hành động công nghệ mạng hoặc Sự cố mạng nào bao gồm, nhưng không giới hạn bất kỳ hành động nào được thực hiện trong việc kiểm soát, ngăn chặn, đàn áp hoặc khắc phục bất kỳ hành động công nghệ mạng hoặc Sự cố mạng.

5. Hành động công nghệ mạng nghĩa là một hành động trái phép, độc hại hoặc tội phạm hoặc một loạt các hành vi trái phép, độc hại hoặc tội phạm có liên quan, bất kể thời gian và địa điểm, hoặc mối đe dọa hoặc trò lừa bịp liên quan đến việc truy cập, xử lý, sử dụng hoặc vận hành bất kỳ Hệ thống Máy tính nào.

6. Sự cố mạng có nghĩa là:

6.1. bất kỳ lỗi hoặc thiếu sót nào hoặc một loạt các lỗi hoặc thiếu sót liên quan liên quan đến việc truy cập, xử lý, sử dụng hoặc vận hành bất kỳ Hệ thống Máy tính nào; hoặc là

6.2. bất kỳ sự không khả dụng một phần hay toàn bộ hoặc thất bại hoặc một loạt các trường hợp không khả dụng từng phần hoặc toàn bộ hoặc thất bại khi truy cập, xử lý, sử dụng hoặc vận hành bất kỳ Hệ thống Máy tính nào.

7. Hệ thống máy tính có nghĩa là:

7.1. bất kỳ máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống truyền thông, thiết bị điện tử nào (bao gồm nhưng không giới hạn ở điện thoại thông minh, máy tính xách tay, máy tính bảng, thiết bị đeo được), máy chủ, đám mây hoặc vi điều khiển bao gồm bất kỳ hệ thống tương tự nào hoặc bất kỳ cấu hình nào đã nói ở trên và bao gồm bất kỳ liên kết đầu vào, đầu ra, thiết bị lưu trữ dữ liệu, thiết bị mạng hoặc thiết bị sao lưu, được sở hữu hoặc điều hành bởi Người được bảo hiểm hoặc bất kỳ bên nào khác.

8. Dữ liệu có nghĩa là thông tin, dữ kiện, khái niệm, mã hoặc bất kỳ thông tin nào khác dưới bất kỳ hình thức nào được ghi lại hoặc truyền dưới dạng để được sử dụng, truy cập, xử lý, truyền hoặc lưu trữ bởi Hệ thống Máy tính.

LMA5401

19. Loại trừ về nhận diện ngày

Quy tắc bảo hiểm này không bảo hiểm cho bất kỳ một yêu cầu bồi thường nào dù dưới bất kỳ dạng nào phát sinh trực tiếp hay gián tiếp từ hoặc bao gồm sự thất bại hoặc không có khả năng của bất kỳ:

(a) mạch điện tử, vi mạch xử lý, mạch tích hợp, bộ vi xử lý, bộ nhớ, phần cứng, phần mềm, phần nối, chương trình, máy tính, hệ thống xử lý dữ liệu, thiết bị hoặc hệ thống viễn thông, hoặc bất kỳ bộ phận tương tự nào;

(b) phương tiện truyền thông hoặc hệ thống được sử dụng trong mối liên quan đến bất kỳ bộ phận nào nói trên cho dù có phải là tài sản của Người được bảo hiểm hay không, tại bất kỳ thời điểm nào để đạt được bất kỳ hoặc tất cả các mục đích và các ảnh hưởng mang tính hậu quả có chủ ý bằng việc sử dụng bất kỳ số, ký hiệu hoặc từ ngữ nào để biểu thị một ngày tháng bao gồm nhưng không giới hạn bởi sự thất bại hoặc không có khả năng nhận diện, nắm bắt, lưu giữ hoặc khôi phục và/hoặc điều khiển, phiên dịch, truyền đi, trả lại, tính toán hoặc xử lý trực tiếp một cách chính xác bất kỳ ngày tháng, dữ liệu, thông tin, tệp tin, logic hoặc chỉ dẫn nào như là kết quả của việc:

(i) nhận diện, sử dụng hoặc chấp nhận bất kỳ ngày tháng, ngày trong tuần hoặc thời hạn nào, theo bất kỳ cách nào khác như, hoặc ngoại trừ, ngày tháng, ngày trong tuần hoặc thời hạn đúng hoặc chính xác;

(ii) hoạt động của bất kỳ tệp tin hoặc logic nào được lập chương trình hoặc tích hợp vào bất bộ phận nào được quy định tại khoản (a) và (b) trên đây.

MSIG Insurance (Vietnam) Company Limited.
Ho Chi Minh Branch: 19th Floor, Vincom Center, 72 Le Thanh Ton Street,
Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel +84 4 28 3821 9030
msig.com.vn

PHỤ LỤC 2: CÁC QUY ĐỊNH RIÊNG CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM TM AUTO (ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG)

Xe tham gia Bảo hiểm TM Auto được áp dụng những quy định riêng như sau:

1. Mức khấu trừ (cho Phần Bảo hiểm vật chất xe ô tô)
Mức khấu trừ là số tiền mà Chủ xe phải tự gánh chịu trong mỗi vụ tổn thất.
Mức khấu trừ cụ thể được quy định theo từng chương trình bảo hiểm (được nêu cụ thể trong Giấy chứng nhận bảo hiểm).

2. Bảo hiểm không khấu hao khi thay mới
Trong quá trình sửa chữa, khắc phục tổn thất, nếu phải thay thế bộ phận mới thì Công ty Bảo hiểm sẽ xác định chí phí thay mới vật tư, phụ tùng thuộc trách nhiệm bảo hiểm bằng chi phí thực tế thay thế mới vật tư, phụ tùng đó mà không áp dụng trừ khấu hao vật tư, phụ tùng thay thế mới.
Chỉ áp dụng đối với xe hoạt động trong vòng 5 năm.
Các quy định khác trong Hợp đồng bảo hiểm không thay đổi.

3. Bảo hiểm cho xe trong thời gian đăng ký, đăng kiểm lần đầu
Bổ sung bảo hiểm cho xe chưa có đăng ký và đăng kiểm như sau:
Công ty nhận bảo hiểm và bồi thường đối với xe mới chưa có Giấy đăng ký xe hoặc Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ trong vòng 30 ngày kể từ ngày hiệu lực bảo hiểm.

4. Bảo hiểm sửa chữa xe tại Ga-ra chính hãng
Công ty Bảo hiểm đồng ý để Chủ xe được quyền chỉ định sửa chữa xe bị thiệt hại vật chất tại bất kỳ Xưởng (Gara) chính hãng nào.

6. Bảo hiểm mất cắp bộ phận
Công ty Bảo hiểm nhận bảo hiểm cho những tổn thất bộ phận do bị mất cắp, mất cướp. Giới hạn số lần mất cắp, mất cướp không vượt quá: hai (02) lần.
Mức khấu trừ chi tiết cho điều khoản này được nêu trong Giấy chứng nhận bảo hiểm.

7. Bảo hiểm tổn thất của động cơ khi xe hoạt động trong khu vực bị ngập nước
DNBH sẽ trả tiền bồi thường chi phí sửa chữa, thay thế những thiệt hại thực tế của động cơ do xe hoạt động trong vùng đang bị ngập nước hoặc nước lọt vào động cơ gây ra hiện tượng thủy kích.
Mức khấu trừ/vụ như được nêu trong Giấy chứng nhận bảo hiểm.
Lưu ý: Nếu xe bị tắt máy đột ngột giữa vùng ngập, khách hàng/ người được bảo hiểm tuyệt đối không tìm cách khởi động lại.

8. Hỗ trợ chi phí kéo xe bị nạn

Trường hợp xe tham gia bảo hiểm bị tai nạn, thuộc phạm vi bảo hiểm, không di chuyển được, Công ty bảo hiểm, bằng chi phí của mình, sẽ hỗ trợ cẩu, kéo xe với nội dung như sau: Hỗ trợ cẩu, kéo xe bị nạn với chi phí cẩu, kéo tối đa mười triệu đồng (10,000,000 VNĐ)/trong suốt thời hạn bảo hiểm.

10. Mức trách nhiệm bảo hiểm Trách nhiệm dân sự tự nguyện

Lựa chọn 1:
- Về người: 50.000.000 VNĐ/người/vụ
- Về tài sản: 50.000.000 VNĐ/vụ
- Tổng mức trách nhiệm: 5.000.000.000 VNĐ trong suốt thời hạn bảo hiểm.

Lựa chọn 2:
- Về người: 100.000.000 VNĐ/người/vụ
- Về tài sản: 100.000.000 VNĐ/người/vụ
- Tổng mức trách nhiệm: 5.000.000.000 VNĐ trong suốt thời hạn bảo hiểm.

11. VA03 - điều khoản dịch vụ cứu hộ ô tô/ cứu trợ trên đường
(Áp dụng cho Sự Cố Hỏng Hóc – không phải do Tai Nạn)

1. Điều khoản chung

1. Khách hàng đã được giải thích và đồng ý rằng dịch vụ cứu hộ ô tô là dịch vụ ưu đãi thêm được cung cấp bởi Đối tác của MSIG ("Đối tác"), không áp dụng phí dịch vụ bổ sung. MSIG đảm bảo lựa chọn các Đối tác có uy tín và năng lực nhằm cung cấp và duy trì dịch vụ chất lượng, lâu dài cho Khách hàng trong thời hạn bảo hiểm.

2. Bằng việc sử dụng dịch vụ này, Khách hàng đồng ý cung cấp và chia sẻ thông tin cá nhân và các thông tin khác cho Đối tác để đối tác thực hiện việc cung cấp dịch vụ. MSIG và Đối tác đã có thỏa thuận bảo mật thông tin Khách hàng.

3. Dịch vụ cứu hộ ô tô này chỉ áp dụng cho xe ô tô đến 7 năm tuổi.

2. Theo điều khoản mở rộng này, các quyền lợi hỗ trợ sau sẽ được cung cấp:

(a)Không giới hạn số lần yêu cầu dịch vụ hỗ trợ khẩn cấp trong thời gian hiệu lực

(b)Không giới hạn số lần yêu cầu dịch vụ sửa chữa tại hiện trường trong thời gian hiệu lực

(c)Không giới hạn số lần lai kéo trong thời gian hiệu lực

(d) Miễn phí dịch vụ lai kéo trong bán kính Năm mươi (50) kilômét đến bất kỳ điểm nào do Khách hàng lựa chọn, khoảng cách bổ sung vượt quá 50 Km sẽ được tính phí Ba mươi lăm nghìn (35.000) đồng cho mỗi Km. Khách hàng sẽ chịu trách nhiệm trả phí cho số KM phát sinh thêm;

(e) Dịch vụ tư vấn kỹ thuật miễn phí hoạt động 24/7 trong trường hợp hỏng hóc kỹ thuật

(f) "Vô tình khóa xe" - Nếu chìa khóa dự phòng nằm trong bán kính Năm mươi (50) Km tính từ địa điểm xảy ra sự cố, Đối tác sẽ sắp xếp để lấy chìa khóa dự phòng và mang đến vị trí xe. Nếu khoảng cách vượt quá Năm mươi (50) Km, mức phí Hai mươi lăm nghìn (25.000) đồng cho mỗi Km sẽ được áp dụng. Việc tính phí thêm cho số Kilomét vượt quá 50Km sẽ do Khách hàng chịu trách nhiệm chi trả. Ngoài ra, Đối tác có thể sắp xếp các dịch vụ về thợ mở khóa nếu được yêu cầu. Chi phí của các dịch vụ đó sẽ được tính trực tiếp cho Khách hàng;

(g) Miễn phí công giao Năm (05) Lít nhiên liệu đến vị trí xe của Khách hàng. Chi phí nhiên liệu sẽ do Khách hàng tự chi trả,

(h) Trong trường hợp xe của Khách hàng được lai kéo khỏi nơi xảy ra sự cố, Đối tác có thể sắp xếp việc thuê xe dựa trên yêu cầu của Khách hàng. Khách hàng sẽ chi trả chi phí thuê xe, cũng như đáp ứng các yêu cầu từ công ty cho thuê xe.

(i) Trong trường hợp sự cố xảy ra cách nhà Khách hàng một trăm (100) km, Tổng đài Dịch vụ hỗ trợ sẽ cung cấp và sắp xếp một trong những việc sau:

a. Phương tiện để đi về hoặc tiếp tục hành trình của Khách hàng

b. Đặt phòng khách sạn dựa trên yêu cầu của Khách hàng, và phương tiên đi lại bằng taxi hoặc phương tiện công cộng đến khách sạn. Các chi phí khách sạn, phương tiện đi lại sẽ do Khách hàng tự chi trả.

3. Điều khoản Loại trừ:

Theo điều khoản này, những trường hợp sau sẽ không được hỗ trợ:

(a) Các sự cố liên quan đến Tai Nạn, thảm họa thiên tai;

(b) Mọi chi phí phát sinh mà không có sự đồng ý trước của Đối tác;

(c) Các khoản chi phí thuộc trách nhiệm của Khách hàng, chẳng hạn như phí xăng dầu và phí cầu đường;

(d) Bất kỳ chi phí nào phát sinh từ việc tham gia các cuộc đua xe, tập hợp đua xe, các bài kiểm tra tốc độ hoặc thời lượng;

(e) Bất kỳ chi phí nào phát sinh do Xe của Khách hàng không đủ điều kiện lưu thông trên đường. Nếu Khách hàng không đảm bảo phương tiện đủ điều kiện được phép lưu thông trên đường, Đối tác có quyền hủy bỏ cung cấp dịch vụ cho phương tiện này;

(f) Bất kỳ chi phí nào phát sinh do việc Khách hàng chịu ảnh hưởng của rượu bia, chất kích thích hoặc ma túy;

(g) Bất kỳ tổn thất do hậu quả nào phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp từ việc xe của Khách hàng không di chuyển được;

(h) Tình trạng hỏng hóc xe của Khách hàng phải xảy ra trên đường công cộng, đường phố, đường cao tốc, đường bộ, bãi đậu xe công cộng hoặc tư nhân. Dịch vụ trên đường rừng, bãi biển,

khu vực có rào chắn hoặc công trường xây dựng, đường đua và đường cấm vận chuyển không nằm trong phạm vi cứu hộ khẩn cấp;

(i) Dịch vụ lai kéo áp dụng cho xe không thể di chuyển được. Chi phí phát sinh cho bất kỳ phụ tùng thay thế nào sẽ không nằm trong phạm vi cứu hộ;

(j) Dịch vụ sẽ được cung cấp trừ trường hợp quá nguy hiểm cho phương tiện cung cấp dịch vụ do điều kiện thời tiết hoặc tình trạng đường xá hiện hành;

(k) Chi phí cho việc sử dụng nhiều hơn 2 kỹ thuật viên hoặc 2 phương tiện cứu hộ;

(l) Dịch vụ cứu hộ được cung cấp cho các phương tiện đủ điều kiện, nhưng không thể hoạt động, không thể lái một cách an toàn theo công suất của chính phương tiện;

(m) Khách hàng sẽ chịu trách nhiệm trả chi phí phát sinh cho việc lai kéo phương tiện, mà phương tiện đó đã bị thay đổi đến mức cần phải có quy trình/ thiết bị đặc biệt ngoài mức thông thường để thực hiện dịch vụ lai kéo;

(n) Khách hàng sẽ có trách nhiệm tự chi trả các khoản phí phà, cầu, hoặc phí đường bộ đối với phương tiện của Khách hàng.

12. Điều khoản cam kết của khách hàng đối với thông tin cung cấp

Cho mục đích cung cấp và sử dụng dịch vụ, Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm/ Chủ xe đồng ý cung cấp và chia sẻ thông tin cá nhân và các tài liệu cần thiết khác cho Công ty và/hoặc các đối tác/đại lý theo chỉ định của Công ty. Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm/ Chủ xe đồng ý rằng Công ty và/hoặc các đối tác/ đại lý theo chỉ định của Công ty có toàn quyền sử dụng và tiết lộ thông tin cá nhân và tài liệu do Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm/ Chủ xe cung cấp cho mục đích cung cấp dịch vụ. Công ty và/ hoặc các đối tác/ đại lý theo chỉ định của Công ty sẽ đảm bảo rằng việc tiết lộ như vậy sẽ chỉ được thực hiện khi cần thiết và phù hợp với mục đích quy định tại Điều khoản này.